TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-.01- 2018.
"V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đường**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hoài**

2. Bà **Hứa Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Ông: **Nguyễn Minh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyên Hồng Quân -** Kiểm sát viên.

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1868/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Mã Đức N -** Sinh năm: 1981.

Nơi ĐKHKTT: Số 62, phường Minh Xuân, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Trường PTCS xã Thông N, huyện H, tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt.

Bị đơn: Chị **Đinh Thị Phương T** – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên Tòa vụ kiện có.

NỘI DUNG VU ÁN

****Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Mã Đức N trình bày:***

-Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đinh Thị Phương T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 27-7-2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về tư duy, tính

cách sống không hòa thuận, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến năm 2012, anh đi học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn thì vợ chồng càng bất đồng hơn vợ chồng mẫu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng tháng 11 năm 2012 Vợ chồng anh mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình từ tháng 07 năm 2013 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Phương T.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng có 2 con chung là cháu Mã Linh V – Sinh ngày: 15/09/2009 và cháu Mã Trà M – Sinh ngày 23/08/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mã Linh V cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Mã Trà M cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Vy.

-Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh N giữ nguyên quan điểm.

+Về quan hệ hôn nhân anh đề N xin được ly hôn chị Đinh Thị Phương T.

+Về con chung: Tại phiên tòa anh N nhất trí giao cháu Mã Linh V Sinh ngày 15/09/2009 cho chị T được chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng cháu V và nhất tri cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 2.000.000đ.

+Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 24-10-2017 và các lời khai tại Tòa án chị Đinh Thị Phương T trình bày:

-**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Mã Đức N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh Q vào ngày 27-7-2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mẫu thuẫn trầm trọng nhất là từ khoảng tháng 7 năm 2013 Lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống gia đình có nhiều bất đồng, trong kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh N thường xuyên đánh đập chị lần thứ nhất vào khoảng tháng 7 năm 2013 và lần thứ hai vào khoảng tháng 10 năm 2015. Khoảng thời gian tháng 11 năm 2014 chị có gặp anh N đi ngoại tình với một cô gái tại phòng một phòng trọ sau trường Trung cấp Y tỉnh H, nhưng chị không yêu cầu cơ quan chính quyền địa phương giải quyết và không có biên bản. Từ đó vợ chồng mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình từ tháng 07 năm 2013 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh N làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị nhất trí ly hôn với anh N để mỗi người có một cuộc sống riêng.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 2 con chung là cháu Mã Linh V – Sinh ngày: 15-9-2009 và cháu Mã Trà M – Sinh ngày: 23-8-

2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị tại Tổ 1, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Mã Linh V – Sinh ngày: 15-9-2009 và cháu Mã Trà M – Sinh ngày: 23-8-2012 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Mã Linh V với số tiền từ là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

-**Về tài sản chung và công nợ:** Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên quan điểm .

+Về quan hệ hôn nhân: Chị T nhất trí ly hôn với anh Mã Đức N .

+ Về con chung Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 con Mã Linh V, Sinh ngày: 15- 9 -2009 và cháu Mã Trà M, Sinh ngày: 23-8-2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị tại Tổ 1, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Mã Linh V với số tiền 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

+Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận tại phiên tòa.

Tại phiên Tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến.

*** Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chấp hành các quy định về việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử theo các Điều 28, Điều 35, Điều 69, Điều 196, Điều 198, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên toà hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án sự mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2013 đến nay không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề N HĐXX: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mã Đức N với chị Đinh Thị Phương T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và sự thỏa thuận của anh N tại phiên tòa Đề N HĐXX xử giao nuôi con chung như sau:

Giao cháu Mã Trà M sinh ngày 23-8-2012 và cháu Mã Linh V, sinh ngày 15-9-2009 cho chị Đinh Thị Phương T - Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục kể từ ngày 19 - 01- 2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung nuôi cháu Mã Linh V mỗi tháng là 2.000.000đ cho chị T, kể từ ngày 19 - 01- 2018 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tranh luận tại phiên tòa và kiểm sát viên phát biểu, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng dân sự:*** Anh Mã Đức N có đơn đề N Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, ngày 15/11/ 2017 tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- **Nhận định của Tòa án về các yêu cầu của các đương sư:**

+ ***Về quan hệ hôn nhân***: anh Mã Đức N với chị Đinh Thị Phương T . xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật có đăng ký kết hôn vào ngày 27 - 7 - 2009 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng quan điểm sống, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 07 năm 2013 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng khắc phục được, có khắc phục cũng không có hạnh phúc. Do vậy vợ chồng đã thỏa thuận ly hôn. Tòa án nhận thấy hai bên tự nguyện thỏa thuận ly hôn không bị bên nào ép buộc phù hợp đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N và chị T. Theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+Về yêu cầu chia giao nuôi con chung:

Về điều kiện kinh tế hai bên đều có khả năng nuôi con sau ly hôn bởi vì mỗi bên đều có lương, thu nhập ổn định, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phien tòa các bên đều có nguyên vọng nuôi con sau khi ly hôn nhằm thể

hiện trách nhiệm của người cha, me đối với con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn nhưng các bên đương sự không thỏa thuận việc chia giao nuôi con chung.

Xét yêu cầu anh N xin được nuôi cháu Mã Linh V, Tại phiên tòa cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị T cùng em và bà ngoại tại tổ 01 Thị Trấn V tỉnh Hà Giang nơi cháu ở học tập ổn định.Tại phiên Tòa anh N cùng nhất trí giao cháu V cho chị T được nuôi dưỡng giáo dục nhằm đáp ứng nguyện vọng của cháu. Tòa án xét thấy sự thay đổi về yêu cầu nuôi con của anh N là phù hợp với thực tế phù hợp với tâm tư nguyện vọng của cháu, đúng quy định của pháp luật.

Xét Đề N chị Đinh Thị T yêu cầu được nuôi các cháu Tòa án thấy rằng Yêu cầu chị T là có căn cứ thực tế hiện tại các cháu đang chung sống với chị T cùng bà ngoại của các cháu tại: Tổ 01 Thị Trấn V tỉnh Hà Giang có nơi ở học tập ổn định mặt khác theo nguyện vọng của cháu Mã Linh V, khi bố mẹ ly hôn cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị T để duy trì ổn định cuộc sống học tập và sự gắn bó chị em với nhau. Xét thấy nguyện vọng của cháu V là chính đáng phù hợp pháp luật và tâm tư nguyện vọng của cháu. Do vậy đề nhằm duy trì, sự ổn định tư tưởng của cháu V cần giữ nguyên tình trạng như hiện nay và giao hai cháu V và cháu M cho chị T được trực tiếp chăm sóc giáo dục. Kể từ ngày xét xử đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Xét đề N chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng từ đến 2.000.000đ Tòa án thấy rằng yêu cầu chị T là có căn cứ trong thực tế anh N cán bộ Giáo chức có lương thu nhập ổn định nhằm hỗ trợ cho chị T trong việc chăm lo đời sống sinh hoạt ăn ở học hành của các cháu tại phiên tòa anh N nhất trí đóng góp phí tổn nuôi con cho chị T mỗi tháng là 2.000.000đ nuôi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: anh Mã Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 N quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mã Đức N và chị Đinh Thị Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Mã Linh V - Sinh ngày: 15- 9-2009 và cháu Mã Trà M - Sinh ngày: 23-8-2012 cho chị Đinh Thị Phương T - Địa chỉ: Tổ 1,

thị trấnV, huyện H, tỉnh Hà Giang được chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục kể từ ngày 19-01-2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Mã Đức N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Mã Linh V mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho chị Đinh Thị T Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp nuôi cháu V, kể từ ngày 19 - 01- 2018 cho đến cháu V đến tuổi trưởng thành. Anh N có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Mã Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm ngìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 01856 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Giang. Anh N còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngìn đồng) phần án phí còn thiếu.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết có quyền chống án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND thị trấn V;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hoài **Hứa Thị Thu** **Đán Văn Đường**

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND thị trấn H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hoài **Hứa Thị Thu** **Đán Văn Đường**

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã Thanh thủy;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường